

Số: 176/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 22 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Bà Đào Thị Thu Vân.

**Thư ký phiên họp:** Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Toà án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 284/2024/TLST-VLĐ, ngày 08/11/2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 149/2024/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988. Địa chỉ thường trú: làng L, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên hệ: số H đường H, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị V, sinh năm 1995. Địa chỉ thường trú: A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Công ty TNHH MTV T1; địa chỉ đường L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2024); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày: Từ tháng 3/2009 cho đến nay, bà N làm việc tại Công ty TNHH H1 (HSV) và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7409164732. Nay bà N liên hệ Bảo hiểm xã hội tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm thông tin của bà N bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà N có cho em gái của bà N là bà Lê Thị V mượn thông tin cá nhân của bà N để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH MTV T1 (trước đây là Công ty TNHH MTV T1). Trước khi bà V sử dụng thông tin của bà N để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV T1 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012 thì trong khi đó, bà N đang giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 (HSV). Do đó, bà N bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012. Nay bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N (do bà Lê Thị V ký thay) và Công ty TNHH MTV T1 là vô hiệu.

- Công ty TNHH MTV T1 H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH MTV T1 Song H cho người lao động thì Công ty TNHH MTV T1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/08/1988, số CCCD 042188013257, với mã số BHXH 7911074204 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà N còn có mã số 7409164732 tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2019 tại Công ty TNHH H1 (HSV). Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị N, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị N phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V trình bày: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên tháng 3/2011 đến tháng 6/2012 bà V có mượn thông tin cá nhân của chị gái bà V là bà Nguyễn Thị N để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH MTV T1. Bà V làm việc tại Công ty TNHH MTV T1 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012. Tuy nhiên, trước khi bà V giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV T1 thì chị gái bà V là bà Nguyễn Thị N cũng đang sử dụng thông tin này để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 (HSV). Bà Nguyễn Thị N làm việc tại TNHH H1 (HSV) từ tháng 3/2009 cho đến nay, không có làm việc tại Công ty TNHH MTV T1. Do đó, lời trình bày của bà Nguyễn Thị N là đúng, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N, bà V, Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH MTV T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên

hợp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng các đương sự khai thông nhất trình bày như sau: Người lao động tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1988, số căn cước công dân 042188013257, quá trình tham gia bảo hiểm có 02 mã BHXH: Đối với mã bảo hiểm xã hội số 7911074204 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012 tại Công ty TNHH MTV T1; Đối với mã bảo hiểm xã hội số 7409164732 từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2019 tại Công ty TNHH H1 (HSV). Bà N xác định thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012 bản thân bà N không ký hợp đồng lao động và không làm việc cho Công ty TNHH MTV T1, nhưng em gái của bà N tên là Lê Thị V vào năm 2011 có mượn chứng minh nhân dân của bà N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV T1 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012. Trong thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012, bà N ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH H1 (HSV). Phía bà V trình bày do không hiểu biết về pháp luật nên vào tháng 3/2011 đến tháng 6/2012 có sử dụng giấy tờ tùy thân của bà N để xin việc tại Công ty TNHH MTV T1 và đồng thời tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH MTV T1. Do thời gian đã lâu, bà V không còn thông tin về việc ký kết hợp đồng lao động hay hồ sơ lao động với Công ty TNHH MTV T1.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Trong khoản thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012, bà N tham gia ký kết hợp đồng lao động cùng một lúc 02 công ty, đó là Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH H1 (HSV), nhưng thực tế bà N chỉ làm việc tại Công ty TNHH H1 (HSV), còn người làm việc trực tiếp tại Công ty TNHH MTV T1 là bà V (em ruột của bà N) vì bà V mượn giấy chứng minh nhân dân của bà N để tham gia lao động. Bản thân bà N và bà V không hề biết sự việc này là vi phạm pháp luật. Lời trình bày của bà N, bà V là phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2012, bà Nguyễn Thị N có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH H1 (HSV). Xét thấy việc bà V lấy tên bà N và giấy tờ tùy thân của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV T1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006 và Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N với Công ty TNHH MTV T1 Bông Song H là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

*Từ các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988, địa chỉ thường trú: làng L, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên hệ: số H đường H, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương với Công ty TNHH MTV T1 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0001839 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**(Đã ký)**

**Đào Thị Thu Vân**